

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17-7-2023

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 116/TB-TA ngày 31/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 150/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1969. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.
Hiện đang cư trú tại Ả rập Xê Út.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 22/6/1992. Sau khi kết hôn ông bà chung sống với nhau tại gia đình ông Đ, cuộc sống vợ chồng hòa H, hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm và lối sống, bà H chơi bời, nợ nần nhiều

nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Bản thân ông cùng gia đình hai bên đã tiến hành khuyên bảo nhiều lần nhưng bà H không có sự thay đổi. Đến tháng 12 năm 2016 bà H làm thủ tục đi nước ngoài, từ đó vợ chồng mỗi người ở một nơi không quan tâm, liên lạc với nhau. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà H theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 01/7/1993 và Nguyễn Như Q, sinh ngày 01/10/1999, hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của ông Trần Xuân L (bố đẻ của bà Trần Thị H) thể hiện: Bà H hiện đang sinh sống tại Ả rập Xê Út, địa chỉ cụ thể thì ông không biết, nhưng bà H thường xuyên liên lạc qua Đ thoại với gia đình. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho bà H biết. Vợ chồng ông Đ, bà H xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do làm ăn kinh tế bị thua lỗ dẫn đến nợ nhiều. Nay ông Đ có đơn xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết.

Ngày 10/5/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận được đơn đề nghị của anh Nguyễn Thanh Q (con của ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị H) với nội dung bà Trần Thị H hiện đang lao động tại Ả rập Xê Út nên đề nghị Tòa án trì hoãn việc giải quyết ly hôn đến tháng 12/2023 bà H có mặt ở Việt Nam để giải quyết. Nếu Tòa án không đồng ý với phương án trên thì đề nghị Tòa án xem xét về việc chia tài sản chung của ông Đ và bà H.

Tòa án cũng tiến hành lấy lời khai của anh Nguyễn Thanh Q và tại phiên tòa lần thứ nhất, anh Q cung cấp như sau: Sau khi nhận các văn bản tố tụng, anh cùng ông L đã thông báo cho bà H biết về việc ông Đ có đơn xin ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Bà H không gửi văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án nhưng có trao đổi với gia đình qua Đ thoại. Bà H xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống cũng như trong làm ăn kinh tế. Từ thời điểm đi nước ngoài vào năm 2016 đến nay, bà H chưa về nước lần nào, bà H có vài lần gọi Đ nói chuyện với ông Đ nhưng ông Đ có thái độ khó chịu nên ông bà không còn liên lạc với nhau nữa. Bà H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không muốn ly hôn, trường hợp ông Đ vẫn kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án dừng việc giải quyết ly hôn để đến tháng 12/2023 bà hết hạn lao động và về Việt Nam sinh sống thì mới giải quyết. Về tài sản chung: Tòa án cũng tiến hành giải thích cho anh Q biết trường hợp bà H có yêu cầu giải quyết về tài sản thì phải có đơn yêu cầu trong đó liệt kê, xác định giá trị của từng tài sản và gửi kèm theo những giấy tờ, căn cứ chứng minh tài sản chung của vợ chồng để phân chia, đồng thời nộp tạm ứng án phí theo quy định.

Tuy nhiên, sau khi được trao đổi và cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm, bà H xác định chưa giải quyết tài sản ở giai đoạn này mà chờ đến khi nào về nước thì mới giải quyết ly hôn và chia tài sản khi ly hôn.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi các đương sự đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị H kết hôn H pháp. Trong thời gian sinh sống tại địa phương, ông bà mâu thuẫn do không hòa H, bà H thua lỗ, thất thoát kinh tế dẫn đến nợ. Thời gian sau này bà H đi lao động tại nước ngoài, vợ chồng mỗi người ở một nơi và không còn quan tâm đến nhau. Nay ông Đ có đơn đề nghị ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của các đương sự trong vụ án.

Tại phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, từ lâu không còn quan tâm tới nhau nên ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn với bà H. Bà Trần Thị H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS), bị đơn giấu địa chỉ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 Luật HNGĐ, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho ông Nguyễn Văn Đ ly hôn bà Trần Thị H. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị H có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Ả rập Xê Út, không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ và gia đình ông L, anh Q không cung cấp được địa chỉ cụ thể của bà H ở nước ngoài. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, gia đình ông L, anh Q vẫn thường xuyên liên lạc với bà H nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo cho bà H biết việc ông Đ đề nghị giải quyết ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và đã thông báo cho bà H biết. Tại phiên tòa, bà H vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 22/6/1992 là hôn nhân H pháp. Trong vụ án này, ông bà đều xác định cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống và trong làm ăn kinh tế dẫn đến nợ nần. Trên thực tế vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Bản thân bà H không đồng ý ly hôn với lý do vợ chồng vẫn còn tình cảm, trường hợp ông Đ vẫn kiên quyết ly hôn thì đợi đến khi bà về Việt Nam thì mới đề nghị Tòa án giải quyết. Tuy nhiên bà không đưa ra biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng và quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Đ. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đ và bà H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh qua lời khai của các đương sự, đại diện gia đình và chính quyền địa phương nơi các đương sự sinh sống. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho ông Nguyễn Văn Đ ly hôn bà Trần Thị H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị H có hai con chung là Nguyễn Thanh Q, sinh ngày 01/7/1993 và Nguyễn Như Q, sinh ngày 01/10/1999, hiện các con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông **Nguyễn Văn Đ** ly hôn bà **Trần Thị H**.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình). Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AA/2021/0004411 ngày 28/3/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân